

Số: 719/BC-BTP

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định hồ sơ dự án
Luật về văn bản quy phạm pháp luật**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Ban hành VBQPPL), Bộ Tư pháp báo cáo về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 461/BCTĐ-BTP ngày 23/8/2026 về thẩm định dự án Luật về văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là dự án Luật) như sau:

I. NHỮNG VẤN ĐỀ TIẾP THU

1. Về phạm vi điều chỉnh

1.1. Ý kiến thẩm định tại Mục II.2.1 Báo cáo thẩm định nêu:

Điều 1 dự thảo Luật quy định phạm vi điều chỉnh của Luật: “*Luật này quy định về xây dựng, ban hành VBQPPL và tổ chức thi hành VBQPPL...*”. Tuy nhiên, dự án Luật không quy định tất cả các nội dung của tổ chức thi hành VBQPPL (ví dụ như phổ biến, giáo dục pháp luật được quy định tại Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật). Hơn nữa, khoản 1 Điều 96 Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 203/2025/QH15) và khoản 4 Điều 10 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025 quy định Chính phủ “*tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước*”. Khoản 1 Điều 112 Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 203/2025/QH15) quy định “*chính quyền địa phương tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương...*”.

Theo đó, để bảo đảm phù hợp về thẩm quyền của Quốc hội và Chính phủ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chỉnh lý Điều 1 dự thảo Luật theo hướng kế thừa phạm vi điều chỉnh của Luật hiện hành: “*Luật này quy định về xây dựng, ban hành VBQPPL; nội dung cơ bản về tổ chức thi hành VBQPPL,...*”.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý Điều 1 dự thảo Luật theo hướng: “*Luật này quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung cơ bản về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật*”.

1.2. Ý kiến thẩm định tại mục II.2.2 Báo cáo thẩm định nêu:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện nội dung Chương VIII (về tổ chức thi hành VBQPPL) để bảo đảm Luật này chỉ quy định những vấn đề cơ bản về nguyên tắc, thẩm quyền, trách nhiệm tổ chức thi hành VBQPPL; không quy định cụ thể những biện pháp để tổ chức thực hiện từng nội dung của tổ chức thi hành VBQPPL tại dự thảo Luật này.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý, hoàn thiện nội dung Chương VIII (về tổ chức thi hành VBQPPL) theo hướng đảm bảo Luật này chỉ quy định những vấn đề cơ bản về nguyên tắc, thẩm quyền, trách nhiệm tổ chức thi hành VBQPPL, đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết để tổ chức thực hiện từng nội dung của tổ chức thi hành VBQPPL tại dự thảo Luật.

1.3. Ý kiến thẩm định tại Mục II.2.3 Báo cáo thẩm định nêu:

Một số nội dung của dự thảo Luật được thiết kế thành 02 phương án (tại Điều 14, 55, 56, 77 và Điều 78). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phân tích cụ thể ưu điểm, hạn chế của từng phương án, đồng thời nêu rõ quan điểm của mình tại Hồ sơ dự án Luật, làm cơ sở báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, nghiên cứu và chỉnh lý các quy định tại Điều 14, Điều 55, Điều 56, Điều 77 và Điều 78 của dự thảo Luật theo hướng không tiếp tục thiết kế 02 phương án, mà lựa chọn một phương án quy định cụ thể trong dự thảo.

2. Về sự phù hợp của dự án Luật với chủ trương, đường lối của Đảng

2.1. Ý kiến thẩm định tại Mục III.1 Báo cáo thẩm định nêu:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu để thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến xây dựng và tổ chức thi hành VBQPPL tại dự thảo Luật (ví dụ như Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kết luận số 09-KL/TW, các nghị quyết trụ cột của Trung ương, Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật...).

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã tiếp tục rà soát, nghiên cứu và hoàn thiện dự thảo Luật nhằm bảo đảm thể chế hóa đầy đủ, toàn diện các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan, nhất là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kết luận số 09-KL/TW và các nghị quyết trụ cột khác của Trung ương như Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 59-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW. Trên cơ sở đó, Tờ trình và các tài liệu đã được rà soát, chỉnh lý, bổ sung các nội dung có liên quan.

2.2. Ý kiến thẩm định tại Mục III.2 Báo cáo thẩm định nêu:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ Hồ sơ dự án Luật, bảo đảm tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (ii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật”); (iii) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ...

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã tiếp tục rà soát toàn bộ Hồ sơ chính sách luật, bảo đảm hồ sơ tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định nêu trên của Đảng và Nhà nước về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

3. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự án Luật với hệ thống pháp luật

3.1. Về tính hợp hiến

- Ý kiến thẩm định tại mục IV.1 Báo cáo thẩm định nêu:

Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp thấy rằng, Hiến pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các thiết chế trong bộ máy nhà nước (gồm Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ,...). Thẩm quyền ban hành VBQPPL liên quan chặt chẽ đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan hiến định này. Luật Ban hành VBQPPL hiện hành (và dự án Luật này) liên quan trực tiếp đến việc thực hiện nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước (theo khoản 3 Điều 2 Hiến pháp năm 2013) trong hoạt động lập pháp, lập quy. Việc cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất *“không tiếp tục xác định” nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và quyết định của Chủ tịch nước là VBQPPL* (tại trang 12 dự thảo Tờ trình) là nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng tại Kết luận số 09-KL/TW về *“đơn giản hóa hệ thống VBQPPL theo hướng mỗi chủ thể có thẩm quyền ban hành VBQPPL chỉ ban hành một hình thức VBQPPL với lộ trình thực hiện phù hợp với yêu cầu thực tiễn”*. Tuy nhiên, để bảo đảm tính đầy đủ, chặt chẽ của Hồ sơ dự án Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung lập luận, phân tích lý do đề xuất lược bỏ các hình thức VBQPPL nêu trên tại thời điểm hiện nay.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã bổ sung thuyết minh đề xuất lược bỏ các hình thức VBQPPL như đã đề xuất. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đã thực hiện đánh giá tác động chính sách tại Báo cáo số 590/BC-BTP ngày

24/7/2026, làm cơ sở để Chính phủ ban hành Nghị quyết số 227/NQ-CP ngày 13/8/2026 về việc thông qua 05 chính sách của dự án Luật về VBQPPL. Đối với Chính sách 1 về tinh gọn hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã đánh giá toàn diện tác động của chính sách đối với hệ thống pháp luật, trong đó có đánh giá về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Theo đó, việc cắt giảm một số hình thức VBQPPL của các chủ thể có thẩm quyền không làm thay đổi nội dung, phạm vi thẩm quyền và vai trò của các chủ thể đã được quy định trong các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động.

3.2. Về tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật

- Ý kiến thẩm định tại Mục IV.2.1 Báo cáo thẩm định nêu:

Việc đề xuất giảm các hình thức VBQPPL và thu hẹp chủ thể có thẩm quyền ban hành VBQPPL có tác động đến những VBQPPL có quy định về thẩm quyền ban hành, hình thức và nội dung VBQPPL (như các luật về tổ chức bộ máy nhà nước, các luật trong các lĩnh vực chuyên ngành...). Do đó, Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đánh giá tác động và đề xuất phương án, lộ trình xử lý các VBQPPL có liên quan để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định chuyển tiếp nhằm bảo đảm việc chuyển đổi hình thức VBQPPL không làm phát sinh khoảng trống pháp lý, cụ thể:

+ Đối với nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết của Chính phủ được ban hành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có văn bản bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác hoặc bị bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền.

+ Đối với một số văn bản hiện đang có hiệu lực sẽ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có văn bản bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền gồm: nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Quyết định của Chủ tịch nước; Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước.

4. Về sự phù hợp của nội dung dự án Luật với Chính sách đã được thông qua

- Ý kiến thẩm định tại mục V Báo cáo thẩm định nêu:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định của dự thảo Luật (nhất là các quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ trong quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL tại dự thảo Luật), bảo đảm bám sát chỉ đạo của Chính phủ về việc *“tiếp tục rà soát, đánh giá kỹ tác động của chính sách để bảo đảm tính khả thi, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và hoàn thiện nội dung của các chính sách, trong đó, tập trung nghiên cứu đổi mới quy trình xây dựng luật theo hướng nâng cao thực chất chất lượng chính sách và dự thảo văn bản, bảo đảm liên thông giữa quy trình chính sách với quy trình soạn thảo, không làm phát sinh thêm tầng nấc, thủ tục, hồ sơ trùng lặp; làm rõ hơn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chủ trì về chất lượng chính sách; đẩy mạnh số hóa, ứng dụng hiệu quả trí tuệ nhân tạo trong quy trình xây dựng chính sách và soạn thảo văn bản; nghiên cứu xây dựng một hồ sơ lập pháp điện tử thống nhất”*.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý dự thảo Luật, bảo đảm bám sát 05 chính sách được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 227/NQ-CP; đồng thời tiếp tục đơn giản hóa trình tự, thủ tục và thành phần hồ sơ, bảo đảm liên thông giữa quy trình chính sách với quy trình soạn thảo, không làm phát sinh thêm tầng nấc, thủ tục, hồ sơ trùng lặp. Theo đó, dự thảo đã tích hợp một số tài liệu độc lập vào Tờ trình và phụ lục kèm theo, như nội dung rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, VBQPPL, điều ước quốc tế có liên quan; nội dung so sánh dự thảo với luật, pháp lệnh hiện hành; phân quyền, phân cấp, chuyển đổi số, bình đẳng giới, chính sách dân tộc; đồng thời thu gọn thành phần hồ sơ trong trình tự, thủ tục rút gọn. Dự thảo cũng hoàn thiện cơ chế liên thông giữa giai đoạn xây dựng chính sách và soạn thảo, làm rõ trách nhiệm của cơ quan trình, cơ quan chủ trì soạn thảo, người đứng đầu và đẩy mạnh sử dụng hồ sơ điện tử, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quy trình xây dựng VBQPPL.

5. Về nguồn tài chính, nguồn nhân lực

- Ý kiến thẩm định tại Mục VI.3 Báo cáo thẩm định nêu:

Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, đại diện Bộ Tài chính đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thông tin đánh giá về kinh phí và nguồn kinh phí để tổ chức triển khai Luật (như hoàn thiện cơ sở dữ liệu pháp luật, hạ tầng số phục vụ xây dựng, quản lý, kiểm tra, rà soát, hợp nhất, pháp điện, theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thi hành...).

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã bổ sung thuyết minh nội dung đánh giá về kinh phí và nguồn kinh phí để tổ chức triển khai Luật tại Tờ trình.

6. Về sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính; việc phân quyền; việc ứng dụng thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc

6.1. Về thủ tục hành chính

- Ý kiến thẩm định tại Mục VII.1 Báo cáo thẩm định nêu:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ các thành phần tài liệu cần thiết trong hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo VBQPPL, bảo đảm phù hợp và tương ứng với các trình tự, thủ tục khác nhau (thông thường, rút gọn hoặc đặc biệt), đồng thời đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo VBQPPL.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, dự thảo Luật đã thiết kế các trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL theo hướng phân biệt giữa quy trình thông thường, rút gọn, trường hợp đặc biệt; quy định thành phần hồ sơ phù hợp với từng quy trình, vừa bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời, vừa đáp ứng yêu cầu về chất lượng và kiểm soát.

6.2. Về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Ý kiến thẩm định tại Mục VII.3 Báo cáo thẩm định nêu:

Đề nghị lược bỏ quy định “*Trí tuệ nhân tạo chỉ là công cụ hỗ trợ, cơ quan, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm cuối cùng trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật*”, bởi vì Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã có quy định “*Hệ thống trí tuệ nhân tạo không thay thế thẩm quyền và trách nhiệm quyết định của người ra quyết định theo quy định của pháp luật. Người ra quyết định chịu trách nhiệm về việc xem xét và sử dụng kết quả do hệ thống trí tuệ nhân tạo cung cấp*” (khoản 2 Điều 27).

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý và không quy định nội dung trên tại khoản 1 Điều 78 dự thảo Luật.

7. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản và hồ sơ, trình tự, thủ tục soạn thảo luật

7.1. Ý kiến thẩm định tại mục VIII.1 Báo cáo thẩm định nêu:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý dự thảo Luật để bảo đảm ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý tại dự thảo Luật.

7.2. Ý kiến thẩm định tại mục VIII.2 Báo cáo thẩm định nêu:

Tại thời điểm gửi thẩm định, do thời hạn lấy ý kiến gấp nên nhiều cơ quan chưa gửi ý kiến góp ý, phản biện đối với Hồ sơ dự án Luật. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục tổng hợp và tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý, phản biện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và ý kiến thẩm định tại Báo cáo này trước khi trình Chính phủ.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đang tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến góp ý, phản biện của các cơ quan, tổ chức tại Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình.

8. Về nội dung cụ thể của dự thảo Luật

8.1. Về hệ thống VBQPPL, thẩm quyền ban hành, nội dung VBQPPL (Điều 4 và Chương II)

a) Ý kiến thẩm định tại mục IX.1.2 về pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Điều 12) tại Báo cáo thẩm định nêu:

Dự thảo Luật quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh *“điều chỉnh quy định của luật trong trường hợp khẩn cấp, cấp bách mà Quốc hội không thể họp được hoặc điều chỉnh nội dung mang tính kỹ thuật để giải quyết ngay một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất”*. Hội đồng thẩm định thấy rằng, việc cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất bổ sung quy định này là nhằm thể chế hóa Kết luận số 09-KL/TW, tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý, hoàn thiện quy định này để bảo đảm chặt chẽ và rõ ràng hơn. Việc cho phép Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh *“để điều chỉnh quy định của luật”* cần được giới hạn và xác định rõ điều kiện, trường hợp được áp dụng. Việc áp dụng cơ chế đặc biệt này chỉ nên mang tính chất tạm thời (trong thời gian Quốc hội chưa sửa đổi, bổ sung, ban hành luật) và cần có cơ chế kiểm soát, lộ trình xử lý để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu, rà soát và chỉnh lý khoản 6 Điều 12 dự thảo Luật theo hướng giới hạn phạm vi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh để *điều chỉnh quy định của luật không do Chính phủ trình trong trường hợp khẩn cấp, cấp bách mà Quốc hội không thể họp được hoặc điều chỉnh nội dung mang tính kỹ thuật để giải quyết ngay một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn và phải báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất*. Đồng thời, dự thảo Luật bổ sung các quy định nhằm kiểm soát chặt chẽ việc áp dụng cơ chế này, trong đó xác định các nội dung không được điều chỉnh; yêu cầu pháp lệnh phải xác định rõ thời điểm hết hiệu lực và chấm dứt hiệu lực đối với các quy định tương ứng khi luật, nghị quyết của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới có hiệu lực; đồng thời bổ sung yêu cầu về hồ sơ, thẩm định và trách nhiệm trong quá trình xây dựng, ban hành.

b) Ý kiến thẩm định tại mục IX.1.2 về pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Điều 12) tại Báo cáo thẩm định nêu:

Về việc không tiếp tục xác định *ng nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổng động viên hoặc động viên cục bộ, ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương* là VBQPPL, đề nghị cơ quan chủ trì

soạn thảo thuyết minh, lập luận kỹ lưỡng căn cứ, lý do đề xuất và xin ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cơ quan có liên quan.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã phân tích, thuyết minh đối với nội dung trên tại Báo cáo số 590/BC-BTP ngày 24/7/2026 (mục mục II.1.3) làm cơ sở để Chính phủ ban hành Nghị quyết số 227/NQ-CP ngày 13/8/2026 thông qua 05 chính sách của dự án Luật về VBQPPL, bảo đảm thể chế yêu cầu của Kết luận số 09-KL/TW. Theo đó, mỗi cơ quan chỉ ban hành một hình thức VBQPPL và không làm thay đổi giá trị pháp lý, hiệu lực bắt buộc thi hành của nghị quyết theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Đồng thời, trong quá trình trình Quốc hội, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội để báo cáo, xin ý kiến.

c) Ý kiến thẩm định tại mục IX.1.3 về nghị định của Chính phủ (Điều 14) Báo cáo thẩm định nêu:

- Điều 14 dự thảo Luật quy định các vấn đề nội dung được quy định trong nghị định của Chính phủ. Tuy nhiên, quy định tại khoản 5 Điều 14 về *“giải quyết các vấn đề cấp bách, quan trọng phát sinh từ thực tiễn và để áp dụng trong một thời gian nhất định, phạm vi cụ thể thuộc thẩm quyền của Chính phủ”* là về tình huống/trường hợp mà Chính phủ có thể xử lý bằng việc ban hành nghị định theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 7 Điều 14 dự thảo Luật. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc tính phù hợp của khoản 5 Điều 14.

- Khoản 7 Điều 14 dự thảo Luật quy định Chính phủ ban hành nghị định để *“thực hiện thí điểm một số chính sách chưa có pháp luật điều chỉnh thuộc thẩm quyền của Chính phủ”* (khoản 7). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định về việc Chính phủ ban hành nghị định để thí điểm chính sách khác với quy định tại nghị định hiện hành thuộc thẩm quyền của Chính phủ (kế thừa điểm c khoản 2 Điều 14 Luật Ban hành VBQPPL).

- Đối với nội dung khoản 8 và khoản 9 (tại phương án 1) và khoản 8 (tại phương án 2), Hội đồng thẩm định thấy rằng, Kết luận số 09-KL/TW yêu cầu *“nghiên cứu cơ chế cho phép Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ được ban hành văn bản điều chỉnh quy định của luật trong trường hợp khẩn cấp, cấp bách mà Quốc hội không thể họp được hoặc điều chỉnh nội dung mang tính kỹ thuật để giải quyết ngay một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất”*. Tuy nhiên, nội dung quy định tại 02 phương án đều rộng hơn so với yêu cầu tại Kết luận số 09-KL/TW. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý quy định của dự thảo Luật để bảo đảm bám sát yêu cầu tại Kết luận số 09-KL/TW và bảo đảm tính phù hợp, khả thi. Trường hợp bổ sung quy định về cơ chế đặc biệt cho phép ban hành nghị định để điều chỉnh quy định của luật thì cần

quy định chặt chẽ điều kiện, trường hợp áp dụng (cơ chế này chỉ mang tính chất tạm thời trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung, ban hành luật của Quốc hội).

Ngoài ra, việc dự thảo Luật bổ sung trường hợp Chính phủ ban hành nghị định để *“thí điểm cơ chế chính sách chưa có hoặc khác với quy định của luật”* (tại khoản 9 của phương án 1) là chưa rõ căn cứ đề xuất. Hơn nữa, việc quy định Chính phủ ban hành nghị định để thí điểm chính sách thuộc thẩm quyền của Chính phủ (khoản 7) hoặc thí điểm cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội (khoản 9) là cần được cân nhắc về tính phù hợp. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ và cân nhắc kỹ lưỡng vấn đề này.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý Điều 14 dự thảo Luật theo hướng phân định rõ các trường hợp Chính phủ ban hành nghị định, bảo đảm mỗi trường hợp có căn cứ, phạm vi và điều kiện áp dụng cụ thể; đồng thời rà soát, bổ sung các cơ chế kiểm soát phù hợp đối với những trường hợp đặc biệt, bảo đảm chặt chẽ, khả thi và bám sát yêu cầu tại Kết luận số 09-KL/TW.

d) Ý kiến thẩm định tại mục IX.1.4 về thông tư (Điều 17) Báo cáo thẩm định nêu:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chỉnh lý khoản 2 Điều 17 dự thảo Luật theo hướng quy định cụ thể hơn phạm vi thẩm quyền ban hành thông tư của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để bảo đảm đồng bộ, tương ứng với các quy định khác của dự thảo Luật về ban hành thông tư theo thẩm quyền, tạo cơ sở pháp lý xác định rõ phạm vi những vấn đề thuộc thẩm quyền ban hành VBQPPL của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý khoản 2 Điều 17 dự thảo Luật theo hướng bảo đảm tính đồng bộ, tương ứng về thẩm quyền ban hành thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao với thẩm quyền ban hành thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định tại khoản 1 Điều 17 dự thảo Luật.

đ) Ý kiến thẩm định tại mục IX.1.5 về VBQPPL của chính quyền địa phương (Mục 2 Chương II) Báo cáo thẩm định nêu:

* Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý các quy định tại Điều 18 dự thảo Luật để phân định rõ thẩm quyền và nội dung quy định tại VBQPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (ví dụ như quy định *“vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”* là không bảo đảm rõ ràng, cụ thể).

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý Điều 18 dự thảo Luật để phân định rõ hơn nội dung VBQPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên cơ sở nhiệm vụ, quyền

hạn được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật có liên quan. Theo đó, dự thảo Luật đã lược bỏ quy định “*vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*”; chỉnh lý khoản 3 Điều 18 theo hướng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định về phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền, phân cấp; đồng thời rà soát các khoản 1 và 2 Điều 18 để bảo đảm phân định phù hợp nội dung VBQPPL của từng chủ thể.

* Điểm c khoản 1 Điều 18 dự thảo Luật quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định “*thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật*”. Hội đồng thẩm định thấy rằng, quy định này chưa bảo đảm cụ thể, rõ ràng. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu để quy định cụ thể và chặt chẽ hơn trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được ban hành quy định thí điểm cơ chế, chính sách.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý, bổ sung trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để “Thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các luật khác” tại điểm c khoản 1 Điều 18.

8.2. Về nguyên tắc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 5)

a) Ý kiến thẩm định tại mục IX.2.1 Báo cáo thẩm định nêu:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu hoàn thiện và làm sâu sắc hơn các nguyên tắc xây dựng, ban hành VBQPPL, trong đó tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong quy trình xây dựng VBQPPL, bảo đảm sự tham gia rộng rãi của người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình xây dựng chính sách, dự án, dự thảo VBQPPL, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc xây dựng, ban hành VBQPPL...

Bên cạnh đó, có ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc việc bổ sung các quy định về nội dung đánh giá tác động, nội dung thẩm định, thẩm tra tại điểm đ khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 4 Điều 28, điểm đ khoản 4 Điều 32, điểm e khoản 4 Điều 35 dự thảo Luật này. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh cụ thể vấn đề này tại Hồ sơ dự án Luật.”

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng tiếp tục làm sâu sắc các nguyên tắc công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng VBQPPL và tăng cường kiểm soát nguy cơ tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Theo đó, Điều 5 dự thảo Luật tiếp tục quy định nguyên tắc bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và bổ sung yêu cầu “*không để quy định của pháp luật bị lợi dụng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực*”; Điều 6 và các quy định về xây dựng chính sách,

soạn thảo luật, pháp lệnh đã làm rõ việc phản biện xã hội, tham vấn, lấy ý kiến và trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, công khai việc tiếp thu, giải trình. Đồng thời, dự thảo Luật đã quy định nội dung về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong đánh giá tác động chính sách tại điểm d khoản 2 Điều 27; thẩm định chính sách tại điểm đ khoản 4 Điều 29; thẩm định dự án tại điểm d khoản 4 Điều 32 và thẩm tra tại điểm e khoản 4 Điều 35.

b) Ý kiến thẩm định tại mục IX.2.2 Báo cáo thẩm định nêu:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc sự cần thiết quy định cụ thể các luật nền tảng tại dự thảo Luật này; làm rõ giá trị, ý nghĩa của việc xác định các luật nền tảng; mối quan hệ và nguyên tắc áp dụng trong trường hợp có sự khác nhau trong quy định của luật nền tảng và luật khác.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý khoản 7 Điều 5 dự thảo Luật theo hướng không quy định luật có tính nền tảng. Theo đó, quy định nguyên tắc cụ thể về mối quan hệ giữa các luật theo hướng *“Trong quá trình xây dựng, ban hành, nội dung các luật khác không được trái với các nguyên tắc cơ bản được quy định trong Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Tổ tụng hành chính”* để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đồng thời tránh phát sinh cách hiểu về thứ bậc pháp lý giữa các luật.

c) Ý kiến thẩm định tại mục IX.2.3 Báo cáo thẩm định nêu:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc sự cần thiết luật hóa thành nguyên tắc đối với các loại quy phạm pháp luật tại khoản 8 và khoản 9 Điều 5 dự thảo Luật, bởi vì trên thực tế, nhiều VBQPPL có sự đan xen, kết hợp giữa các loại quy phạm pháp luật khác nhau. Những yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo đối với các loại quy phạm pháp luật không nên điều chỉnh cụ thể tại Luật.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý tại khoản 8 Điều 5 dự thảo Luật theo hướng: *“Quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với nhau hoặc giữa cơ quan nhà nước với cá nhân, tổ chức trong trường hợp cơ quan nhà nước thực hiện quyền lực công, bảo vệ lợi ích công phải được xây dựng cụ thể, chặt chẽ; quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa các cá nhân hoặc tổ chức độc lập, bình đẳng về địa vị pháp lý được xây dựng theo hướng chủ yếu đặt ra khung pháp lý mang tính nguyên tắc để các bên tự do xác lập, thực hiện, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm”*.

d) Ý kiến thẩm định tại mục IX.2.4 Báo cáo thẩm định nêu:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung các nguyên tắc cụ thể hơn đối với tổ chức thi hành VBQPPL. Tại khoản 10 Điều 5, đề nghị chỉnh lý

thành “*gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng, ban hành với tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật*”.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý tại khoản 10 Điều 5, thành “*gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng, ban hành với tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật*”.

8.3. Về văn bản quy định chi tiết (Điều 8)

a) Ý kiến thẩm định tại mục IX.3.1 Báo cáo thẩm định nêu:

Khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật quy định: “*Văn bản quy định chi tiết có thể đồng thời quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành nhưng phải phân biệt rõ các nội dung*”. Tuy nhiên, việc yêu cầu phân biệt nội dung quy định chi tiết với nội dung quy định biện pháp tổ chức thi hành là cần được cân nhắc về sự cần thiết và tính khả thi, bởi vì hiện nay trong nhiều văn bản quy định chi tiết có sự lồng ghép các nội dung này nhằm bảo đảm tính đầy đủ, khoa học, tạo thuận lợi cho theo dõi, tra cứu, áp dụng pháp luật.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý Điều 8 dự thảo Luật theo hướng không yêu cầu phải phân biệt riêng nội dung quy định chi tiết với nội dung quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành; đồng thời tiếp tục quy định văn bản quy định chi tiết có thể đồng thời quy định nội dung khác được giao và biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành, bảo đảm tính đầy đủ, thuận lợi trong tổ chức thực hiện và áp dụng pháp luật.

b) Ý kiến thẩm định tại mục IX.3.2 Báo cáo thẩm định nêu:

Khoản 3 Điều 8 dự thảo Luật quy định “*Dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ thời điểm phải chuẩn bị và gửi kèm dự thảo văn bản quy định chi tiết; chỉnh lý quy định về “*trình đồng thời*” theo hướng dự thảo văn bản quy định chi tiết được gửi kèm trong hồ sơ dự án luật, pháp lệnh.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý khoản 3 Điều 8 dự thảo Luật theo hướng không quy định yêu cầu “*trình đồng thời*” dự thảo văn bản quy định chi tiết với dự án luật, pháp lệnh, bảo đảm quy định rõ ràng, phù hợp với trình tự xây dựng, ban hành văn bản và tránh cách hiểu khác nhau về thời điểm chuẩn bị, gửi dự thảo văn bản quy định chi tiết.

c) Ý kiến thẩm định tại mục IX.3.4 Báo cáo thẩm định nêu:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lược bỏ quy định về “*trường hợp một cơ quan được giao quy định chi tiết các nội dung của nhiều VBQPPL khác nhau...*” (tại khoản 4 Điều 8), bởi vì khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật quy định văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết; nếu một văn bản quy định chi tiết

các nội dung của nhiều VBQPPL khác nhau thì việc xác định hiệu lực từng phần trong văn bản quy định chi tiết đó sẽ gặp khó khăn, vướng mắc khi các VBQPPL được quy định chi tiết có thời điểm có hiệu lực khác nhau.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý và không quy định nội dung nêu trên.

8.4. Về quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Chương IV)

a) Ý kiến thẩm định tại mục IX.4.1 Báo cáo thẩm định nêu:

Nghiên cứu đơn giản hóa hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo VBQPPL theo hướng chỉ yêu cầu những hồ sơ thực sự cần thiết, bảo đảm nâng cao chất lượng hồ sơ (nhất là tờ trình, báo cáo đánh giá tác động chính sách...); thay thế *Báo cáo rà soát* chủ trương, đường lối của Đảng, VBQPPL, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách thành *Bản rà soát* chủ trương, đường lối của Đảng, VBQPPL, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp rà soát, chỉnh lý theo hướng không yêu cầu trong hồ sơ có Báo cáo rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, VBQPPL, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách; các nội dung này sẽ được tích hợp trong Tờ trình.

b) Ý kiến thẩm định tại mục IX.4.2 Báo cáo thẩm định nêu:

Về lấy ý kiến, tham vấn chính sách (Điều 27): Dự thảo Luật quy định cả cơ quan lập đề xuất chính sách và Thường trực Hội đồng Dân tộc/Thường trực Ủy ban của Quốc hội chủ trì tổ chức hội nghị tham vấn chính sách. Để bảo đảm hiệu quả thực chất của hoạt động tham vấn chính sách, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ phạm vi trách nhiệm của từng cơ quan nêu trên và sự cần thiết quy định cả 02 cơ quan cùng thực hiện hoạt động tham vấn chính sách.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý quy định về lấy ý kiến, tham vấn chính sách theo hướng phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan. Theo đó, cơ quan lập đề xuất chính sách có trách nhiệm tổ chức hội nghị tham vấn đối với các cơ quan có liên quan trong quá trình xây dựng chính sách; Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội chỉ tổ chức hội nghị tham vấn trong trường hợp cần thiết đối với dự án được phân công chủ trì thẩm tra. Cơ quan lập đề xuất chính sách có trách nhiệm phối hợp, thuyết trình, giải trình tại hội nghị tham vấn. Qua đó, bảo đảm hoạt động tham vấn được thực hiện thực chất, tránh trùng lặp về trách nhiệm và thủ tục.

c) Ý kiến thẩm định tại mục IX.4.3 Báo cáo thẩm định nêu:

Về thay đổi trình tự, thủ tục xây dựng luật, pháp lệnh (Điều 30): Dự thảo Luật bổ sung quy định về thay đổi trình tự, thủ tục xây dựng luật, pháp lệnh (từ

không phải xây dựng chính sách thành phải thực hiện quy trình chính sách và ngược lại) nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình xây dựng luật, pháp lệnh. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định cụ thể thẩm quyền quyết định việc thay đổi trình tự, thủ tục nêu trên.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý quy định về thay đổi trình tự, thủ tục xây dựng luật, pháp lệnh theo hướng không thiết kế thủ tục và thẩm quyền quyết định việc thay đổi trình tự, thủ tục riêng. Theo đó, dự thảo Luật quy định trực tiếp cách thức xử lý: trường hợp dự án đang thực hiện quy trình xây dựng chính sách nhưng sau đó có căn cứ xác định không phải thực hiện quy trình này thì chuyển sang thực hiện trình tự, thủ tục tương ứng và được kế thừa kết quả đã thực hiện; trường hợp dự án không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách nhưng trong quá trình soạn thảo phát sinh yêu cầu phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách thì bổ sung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách vào hồ sơ dự án khi thẩm định, trình Chính phủ. Qua đó, bảo đảm rõ ràng, linh hoạt và không làm phát sinh thêm thủ tục quyết định chuyển đổi.

d) Ý kiến thẩm định tại mục IX.4.4 Báo cáo thẩm định nêu:

Về soạn thảo luật, pháp lệnh (Điều 31): Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc tính phù hợp của quy định “*đối với dự án luật, pháp lệnh đã thực hiện quy trình xây dựng chính sách thì không phải tổ chức lấy ý kiến*” (điểm a khoản 3 Điều 31) bởi vì thủ tục lấy ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý góp phần quan trọng vào việc bảo đảm tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quá trình xây dựng VBQPPL, nâng cao chất lượng của dự án luật, pháp lệnh.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý Điều 31 dự thảo Luật theo hướng bỏ quy định “*đối với dự án luật, pháp lệnh đã thực hiện quy trình xây dựng chính sách thì không phải tổ chức lấy ý kiến*”. Theo đó, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến các Đoàn đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự án, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; đồng thời đăng tải hồ sơ dự án để lấy ý kiến và nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội. Qua đó, bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và nâng cao chất lượng dự án luật, pháp lệnh.

đ) Ý kiến thẩm định tại mục IX.4.6 Báo cáo thẩm định nêu:

Khoản 2 Điều 41 dự thảo Luật quy định “*luật, pháp lệnh được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt thì Chủ tịch nước công bố luật, pháp lệnh chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày luật, pháp lệnh được thông qua*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc sự cần thiết bổ sung quy định về trách nhiệm công bố Chủ tịch nước và thời hạn công bố trong trường

hợp luật, pháp lệnh được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt.

Bên cạnh đó, Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 203/2025/QH15) quy định “*luật, pháp lệnh phải được công bố chậm nhất là mười lăm ngày, kể từ ngày được thông qua, trừ trường hợp Chủ tịch nước đề nghị xem xét lại pháp lệnh*” (khoản 2 Điều 85); Chủ tịch nước có nhiệm vụ, quyền hạn “*đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày pháp lệnh được thông qua*” (khoản 1 Điều 88). Do đó, để bảo đảm phù hợp và chính xác, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý quy định tại khoản 2 Điều 41 nêu trên, bổ sung quy định về *trừ trường hợp Chủ tịch nước đề nghị xem xét lại pháp lệnh*.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã quy định rõ các nội dung nêu trên tại Điều 41 dự thảo Luật.

e) Ý kiến thẩm định tại mục IX.4.7 Báo cáo thẩm định nêu:

Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 không quy định cụ thể trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL đối với Chủ tịch nước. Tại Điều 42 dự thảo Luật chỉ bổ sung quy định “*dự thảo lệnh do Chính phủ soạn thảo phải được Bộ Tư pháp thẩm định*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung các quy định cần thiết liên quan đến xây dựng, ban hành lệnh (trình tự, thủ tục, hồ sơ) để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, bổ sung tại Điều 42 dự thảo Luật các nội dung cần thiết về cơ quan chủ trì soạn thảo, thành phần hồ sơ, trách nhiệm của Văn phòng Chủ tịch nước, việc đăng tải lấy ý kiến, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và xem xét, ký ban hành lệnh, qua đó tạo cơ sở pháp lý đầy đủ hơn cho việc tổ chức thực hiện. Đồng thời, dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng không tiếp tục quy định dự thảo lệnh do Chính phủ soạn thảo phải được Bộ Tư pháp thẩm định.

g) Ý kiến thẩm định tại mục IX.4.8 Báo cáo thẩm định nêu:

Khoản 2 Điều 47 dự thảo Luật bổ sung quy định “*Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo, thẩm định dự thảo thông tư liên tịch. Việc thẩm định dự thảo thông tư phải có sự tham gia người có thẩm quyền liên tịch ban hành*”. Tuy nhiên, việc tổ chức thẩm định dự thảo thông tư liên tịch thường do một đơn vị của cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện. Do đó, đề nghị cân nhắc tính hợp lý của việc quy định “*người có thẩm quyền liên tịch ban hành*” (có thể là Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ) phải tham gia thẩm định dự thảo thông tư.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý Điều 47 dự thảo Luật theo hướng không quy định thủ tục thẩm định đối với dự thảo thông tư liên tịch, mà tập trung quy định trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo trong việc tổ chức soạn thảo, lấy ý kiến và tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.

8.5. Về hiệu lực và nguyên tắc áp dụng VBQPPL (Chương VII)

a) Ý kiến thẩm định: Mục IX.6.1; 6.2; 6.3 Báo cáo thẩm định nêu:

6.1. Về thời điểm hiệu lực của VBQPPL: Khoản 2 Điều 51 dự thảo Luật quy định VBQPPL *“được áp dụng trực tiếp, không có văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành thì có thể có hiệu lực ngay sau khi được thông qua hoặc ký ban hành”* (điểm a). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cách xác định VBQPPL được áp dụng trực tiếp tại quy định nêu trên.

6.2. Về quy định *“các văn bản không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thì có hiệu lực không sớm hơn 10 ngày đối với VBQPPL của cơ quan nhà nước ở trung ương và 05 ngày đối với VBQPPL của chính quyền địa phương kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành”*: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cơ sở đề xuất thời điểm có hiệu lực như trên. Hội đồng thẩm định cho rằng, việc quy định thời hạn có hiệu lực tại điểm b khoản 2 Điều 51 cần được cân nhắc kỹ lưỡng, đặc biệt là đối với trường hợp VBQPPL được ban hành theo quy định tại khoản 6 Điều 12, Điều 13, khoản 5 Điều 14 dự thảo Luật.

6.3. Khoản 3 Điều 51 dự thảo Luật quy định *“thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết không được sớm hơn 06 tháng kể từ ngày văn bản giao quy định chi tiết thông qua hoặc ký ban hành, trừ trường hợp văn bản quy định chi tiết đã được xây dựng và ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm hoặc văn bản giao quy định chi tiết có quy định thời hạn khác”*. Hội đồng thẩm định thấy rằng, quy định nêu trên là chưa rõ ràng, chưa bảo đảm tính thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 8 dự thảo Luật (văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết); chưa tính toán đến trường hợp VBQPPL giao quy định chi tiết có hiệu lực trước 06 tháng kể từ ngày được thông qua. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, chỉnh lý cho phù hợp.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý hoàn thiện Điều 51 theo hướng quy định thống nhất thời điểm có hiệu lực của VBQPPL được xây dựng, ban hành theo trình tự thông thường; đồng thời xác định VBQPPL được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.

b) Ý kiến thẩm định tại Mục IX.6.4 Báo cáo thẩm định nêu:

Tại khoản 2 Điều 55 dự thảo Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất 02 phương án xác định hiệu lực của văn bản quy định chi tiết. Hội đồng thẩm định thấy rằng, về cơ bản cả 02 phương án đều đề xuất văn bản giao quy định chi tiết hết hiệu lực (một phần hoặc toàn bộ) thì văn bản quy định chi tiết cũng sẽ hết hiệu lực (một phần hoặc toàn bộ), trừ trường hợp được công bố tiếp tục có hiệu lực (một phần hoặc toàn bộ). Tại khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật quy định văn bản quy định chi tiết có thể “*đồng thời quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành*”. Theo đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cách thức xác định hiệu lực đối với các văn bản quy định chi tiết đồng thời quy định về biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành khi văn bản giao quy định chi tiết hết hiệu lực (một phần hoặc toàn bộ); làm rõ thẩm quyền ban hành văn bản công bố tại các phương án đề xuất.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý hoàn thiện Điều 55 dự thảo Luật theo hướng xác định văn bản giao quy định chi tiết hết hoặc tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thì văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành tương ứng cũng hết hoặc tạm ngưng hiệu lực, trừ trường hợp được công bố tiếp tục có hiệu lực. Văn bản công bố được xác định là văn bản hành chính và phải được đăng tải trên công báo điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

c) Ý kiến thẩm định tại Mục IX.6.5 Báo cáo thẩm định nêu:

Về áp dụng VBQPPL (Điều 56): Tại khoản 5 Điều 56 dự thảo Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất 02 phương án. Hiện còn có ý kiến khác nhau về vấn đề này (tại cuộc họp thẩm định, đa số ý kiến lựa chọn phương án 1¹) và cho rằng cách thức quy định tại phương án 2 không bảo đảm rõ ràng, dễ hiểu. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phân tích cụ thể ưu điểm, hạn chế của từng phương án; làm rõ cách xác định quy định pháp luật chuyên ngành để làm cơ sở cho việc áp dụng nguyên tắc; xác định thứ tự áp dụng pháp luật trong trường hợp các VBQPPL cùng điều chỉnh trực tiếp, hoặc trường hợp văn bản ban hành trước nhưng có hiệu lực sau...

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý căn bản Điều 56 và không tiếp tục giữ cách thiết kế 02 phương án trước đây. Dự thảo quy định theo thứ tự:

i) Trường hợp các quy phạm pháp luật quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy phạm trong văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn;

ii) Trường hợp các VBQPPL do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì ưu tiên áp dụng văn bản có quy định về ưu

¹ “Trường hợp các quy phạm pháp luật có cùng hiệu lực pháp lý quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định pháp luật chuyên ngành. Quy định pháp luật chuyên ngành chỉ được áp dụng trong phạm vi lĩnh vực hoặc nhóm quan hệ xã hội mà quy định đó trực tiếp điều chỉnh”.

tiên áp dụng; tiếp đó là văn bản có quy định điều chỉnh trực tiếp, cụ thể hơn; sau đó là văn bản có hiệu lực sau;

iii) Trường hợp vẫn không xác định được quy định để áp dụng thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải thích hoặc hướng dẫn áp dụng theo quy định của Luật.

Việc chỉnh lý này nhằm xác lập rõ thứ tự áp dụng và khắc phục khó khăn trong việc xác định khái niệm “pháp luật chuyên ngành” như ý kiến thẩm định đã nêu.

8.6. Về Tổ chức thi hành VBQPPL (Chương VIII)

a) Ý kiến thẩm định tại Mục IX.7.1 Báo cáo thẩm định nêu:

Tại dự thảo Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất tích hợp một số nội dung của Pháp lệnh Hợp nhất VBQPPL, Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật (đồng thời đề xuất 02 Pháp lệnh này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành), Nghị định số 80/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định cụ thể những nội dung/vấn đề cần quy định tại Luật này (thuộc thẩm quyền quy định của Quốc hội); không đưa vào dự thảo Luật những nội dung thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ.

Việc dự thảo Luật quy định quá chi tiết, cụ thể về từng nội dung, biện pháp tổ chức thi hành VBQPPL, như kế hoạch triển khai và chuẩn bị điều kiện thi hành VBQPPL (Điều 59), hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành VBQPPL (Điều 63), tiếp nhận, xử lý, phản ánh, kiến nghị về VBQPPL (Điều 64), theo dõi việc thi hành VBQPPL (Điều 65), đánh giá hiệu quả thi hành VBQPPL (Điều 66), kiểm tra việc tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 67), phản ứng chính sách trong tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 68), sơ kết, tổng kết việc thi hành VBQPPL (Điều 69), dữ liệu số trong tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 70), sử dụng kết quả tổ chức thi hành VBQPPL trong công tác xây dựng VBQPPL (Điều 71), trách nhiệm quản lý nhà nước về tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 72), cung cấp thông tin về tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 73), điều kiện bảo đảm cho tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 74)... là cần được cân nhắc, bởi vì nhiều vấn đề thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ và không cần thiết quy định tại Luật này. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý nội dung Chương VIII dự thảo Luật theo hướng quy định nội dung tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 57), trách nhiệm tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 58) và thiết kế các quy định về hoạt động tổ chức thi hành VBQPPL bảo đảm gắn kết cụ thể, rõ ràng với trách nhiệm của các chủ thể quy định tại Điều 58. Đối với các vấn đề liên quan đến điều kiện bảo đảm, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, dữ liệu số trong tổ chức thi hành VBQPPL thì đưa vào các quy định tại Chương IX (về nguồn lực trong xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành VBQPPL).

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý toàn diện, cơ cấu lại Chương VIII dự thảo Luật theo hướng chỉ quy định những nội dung cơ bản về tổ chức thi hành VBQPPL; lược bỏ các quy định quá chi tiết thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ. Cụ thể:

(i) Đối với các nội dung về kế hoạch triển khai và chuẩn bị điều kiện thi hành VBQPPL (Điều 59), hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành VBQPPL (Điều 63), theo dõi việc thi hành VBQPPL (Điều 65), kiểm tra việc tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 67), sơ kết, tổng kết việc thi hành VBQPPL (Điều 69), sử dụng kết quả tổ chức thi hành VBQPPL trong công tác xây dựng VBQPPL (Điều 71) của dự thảo Luật gửi thẩm định, dự thảo Luật đã lược bỏ các điều quy định riêng, chi tiết; những nội dung cần thiết được quy định khái quát tại Điều 57 về nội dung tổ chức thi hành VBQPPL và giao Chính phủ quy định, tổ chức thực hiện theo thẩm quyền.

(ii) Đối với đánh giá hiệu quả thi hành VBQPPL, dự thảo Luật đã chỉnh lý Điều 66 theo hướng chỉ quy định các nội dung cơ bản thuộc thẩm quyền của Quốc hội và giao Chính phủ quy định chi tiết. Các nội dung về điều kiện bảo đảm cho tổ chức thi hành VBQPPL được rà soát, tích hợp vào Chương IX về trách nhiệm và nguồn lực trong xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành VBQPPL; nội dung về dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số được cơ cấu lại tại quy định về ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong xây dựng và tổ chức thi hành VBQPPL.

b) Ý kiến thẩm định tại Mục IX.7.2 Báo cáo thẩm định nêu:

Một số quy định của dự thảo Luật chưa bảo đảm cụ thể, rõ ràng. Ví dụ: Quy định về “*cơ quan, người có thẩm quyền tự mình hoặc theo văn bản đề nghị hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành VBQPPL...*” tại khoản 1 Điều 63 không rõ cơ quan, người có thẩm quyền, không rõ chủ thể đề nghị, chủ thể được hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành VBQPPL và cần cân nhắc tính khả thi của quy định này. Quy định tại Điều 68 về phản ứng chính sách trong tổ chức thi hành VBQPPL không thể hiện đúng nội hàm của phản ứng chính sách (các biện pháp như “*điều chỉnh biện pháp tổ chức thi hành*”, “*giải thích hoặc hướng dẫn áp dụng VBQPPL*”, “*kiểm tra, xử lý, rà soát VBQPPL*” được quy định tại khoản 4 Điều 68 không phải là biện pháp phản ứng chính sách)... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý cho phù hợp.

Quy định “*cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm theo dõi việc thi hành VBQPPL về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao*” chưa bao hàm các cơ quan/chủ thể không thực hiện chức năng quản lý nhà nước như Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước...) là chưa thống nhất với quy định giải thích từ ngữ về theo dõi việc thi hành VBQPPL tại khoản 1 Điều 65 dự thảo Luật (tương tự như vậy đối với quy định tại Điều 66 dự thảo

Luật). Đề nghị cân nhắc, chỉnh lý theo hướng quy định quyền hạn, trách nhiệm theo dõi việc thi hành VBQPPL gắn với trách nhiệm tổ chức thi hành VBQPPL tại Điều 58 dự thảo Luật.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã tiếp thu và đã chỉnh lý dự thảo, cụ thể:

i) Chỉnh lý Điều 58 theo hướng xác định trách nhiệm tổ chức thi hành VBQPPL của Chính phủ và các cơ quan, tổ chức trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; không tiếp tục quy định một điều riêng về hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành VBQPPL như dự thảo gửi thẩm định, mà quy định khái quát nội dung này tại Điều 57 và giao Chính phủ quy định, tổ chức thực hiện theo thẩm quyền.

(ii) Chỉnh lý quy định về phản ứng chính sách theo hướng không xác định các nội dung “điều chỉnh biện pháp tổ chức thi hành”, “giải thích hoặc hướng dẫn áp dụng VBQPPL”, “kiểm tra, rà soát, xử lý VBQPPL” là “biện pháp phản ứng chính sách”, mà quy định cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 58, trên cơ sở kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị, đánh giá hiệu quả và theo dõi việc thi hành VBQPPL, thực hiện các biện pháp tương ứng.

(iii) Chỉnh lý các quy định về theo dõi, đánh giá hiệu quả thi hành VBQPPL theo hướng gắn với trách nhiệm tổ chức thi hành VBQPPL quy định tại Điều 58, không tiếp tục thiết kế một điều riêng quy định chi tiết về theo dõi việc thi hành VBQPPL; nội dung theo dõi được quy định khái quát tại Điều 57, còn việc đánh giá hiệu quả thi hành VBQPPL được quy định tại Điều 66 và giao Chính phủ quy định chi tiết, qua đó bảo đảm bao quát các chủ thể và phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ.

c) Ý kiến thẩm định tại Mục IX.7.3 Báo cáo thẩm định nêu:

Dự thảo Luật quy định nội dung tổ chức thi hành VBQPPL, trong đó có *“Theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật, đánh giá hiệu quả thi hành VBQPPL”* (khoản 9 Điều 57); nội dung kiểm tra việc tổ chức thi hành VBQPPL bao gồm *việc thực hiện các nội dung tổ chức thi hành VBQPPL; theo dõi việc thi hành VBQPPL; đánh giá hiệu quả thi hành VBQPPL* (khoản 2 Điều 67); nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp *“kiểm tra, phối hợp với các bộ, ngành hữu quan tiến hành thanh tra việc thi hành pháp luật về tổ chức thi hành pháp luật”* (khoản 2 Điều 72).

Hội đồng thẩm định thấy rằng, các quy định nêu trên chưa phân định rõ phạm vi, nội dung, cách thức thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan trong việc kiểm tra công tác tổ chức thi hành VBQPPL. Bộ Tư pháp là cơ quan kiểm tra công tác tổ chức thi hành VBQPPL, hoạt động kiểm tra này tập trung đánh giá công tác tổ chức thi hành VBQPPL (không đi sâu kiểm tra, xem xét việc áp dụng

pháp luật trong từng hồ sơ, vụ việc cụ thể²). Ngoài ra, việc quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp tại khoản 2 Điều 72 dự thảo Luật là không phù hợp (vấn đề này thuộc thẩm quyền của Chính phủ). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lược bỏ quy định này.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng không quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp về quản lý nhà nước đối với tổ chức thi hành VBQPPL và lược bỏ Điều 72 của dự thảo gửi thẩm định. Đồng thời, các nội dung về kiểm tra, theo dõi, đánh giá hiệu quả thi hành VBQPPL được cơ cấu lại theo hướng chỉ quy định những nội dung cơ bản tại Luật. Theo đó, Điều 57 dự thảo Luật quy định khái quát về “giám sát, kiểm tra, rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa VBQPPL; pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật” và “theo dõi việc thi hành VBQPPL, đánh giá hiệu quả thi hành VBQPPL”; không tiếp tục quy định nội dung “thanh tra việc thi hành pháp luật”. Đồng thời, dự thảo Luật không còn quy định riêng về nội dung, phạm vi, cách thức kiểm tra việc tổ chức thi hành VBQPPL như tại Điều 67 của dự thảo gửi thẩm định, bảo đảm phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật và thẩm quyền của Chính phủ.

d) Ý kiến thẩm định tại Mục IX.7.4 Báo cáo thẩm định nêu:

Về giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh (Điều 60): Khoản 4 Điều 60 dự thảo Luật quy định về xây dựng dự thảo pháp lệnh giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh, tuy nhiên, chưa quy định rõ ràng và đầy đủ trình tự, thủ tục, hồ sơ. Ví dụ: dự thảo Luật có quy định thủ tục thẩm tra (tại điểm c khoản 4 Điều 60) nhưng không có quy định về thẩm định dự thảo pháp lệnh. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ quy trình, thủ tục, hồ sơ xây dựng pháp lệnh trong trường hợp này có khác biệt so với các trường hợp xây dựng pháp lệnh khác hay không, nếu có thì đề nghị thiết kế quy định cụ thể, rõ ràng.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý hoàn thiện tại Điều 59 dự thảo Luật theo hướng xác định cụ thể hơn chủ thể đề nghị, thẩm quyền quyết định việc giải thích, cơ quan được giao soạn thảo, thời hạn soạn thảo, thành phần hồ sơ và việc thẩm tra dự thảo pháp lệnh giải thích trước khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh là thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; pháp lệnh giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh là hình thức để Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện thẩm quyền giải thích, không phải là dự án pháp lệnh được xây dựng theo quy trình lập pháp thông thường. Vì vậy, dự thảo Luật thiết kế quy trình riêng đối với pháp lệnh giải thích, theo đó Ủy ban

² Việc kiểm tra chuyên sâu đối với quá trình áp dụng, thi hành pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực, bao gồm việc kiểm tra hồ sơ, vụ việc cụ thể (nếu có), thuộc trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ trên cơ sở các Luật chuyên ngành và theo phạm vi quản lý nhà nước được giao.

Thường vụ Quốc hội quyết định việc giải thích, giao cơ quan có liên quan soạn thảo dự thảo pháp lệnh; giao Hội đồng Dân tộc hoặc Ủy ban của Quốc hội thẩm tra về sự phù hợp của dự thảo pháp lệnh với tinh thần và nội dung của văn bản được giải thích, trước khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua. Do đây là quy trình thực hiện trực tiếp thẩm quyền giải thích của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và việc xem xét dự thảo được thực hiện thông qua cơ chế thẩm tra của cơ quan của Quốc hội, nên không đặt ra thủ tục thẩm định đối với dự thảo pháp lệnh giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh.

đ) Ý kiến thẩm định tại Mục IX.7.5 Báo cáo thẩm định nêu:

Về hướng dẫn áp dụng VBQPPL (Điều 61): Khoản 3 Điều 61 dự thảo Luật quy định “*đối với nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ, ban hành quyết định hành chính để hướng dẫn áp dụng*”. Việc quy định các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành quyết định hành chính để hướng dẫn áp dụng nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ là không phù hợp về hình thức văn bản và thực tiễn triển khai. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý cụm từ “*quyết định hành chính*” thành “*văn bản hành chính*” (tương tự như quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 61).

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện Điều 60 dự thảo Luật theo hướng văn bản hướng dẫn áp dụng là *văn bản hành chính*, không làm thay đổi nội dung quy định được hướng dẫn và không được đặt ra quy định mới.

e) Ý kiến thẩm định tại Mục IX.7.6 Báo cáo thẩm định nêu:

Về hợp nhất VBQPPL (Điều 78): Khoản 4 Điều 78 dự thảo Luật quy định “*dự thảo văn bản hợp nhất được trình đồng thời với dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung, đính chính, bãi bỏ một phần...*”. Hội đồng thẩm định cho rằng, việc quy định như trên sẽ phát sinh vướng mắc trong thực tiễn thực hiện và gây lãng phí (ví dụ như trong trường hợp xây dựng một luật sửa đổi nhiều luật thì cần phải trình đồng thời nhiều dự thảo văn bản hợp nhất). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc kế thừa quy định tại Pháp lệnh Hợp nhất VBQPPL (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2026 nhằm thể chế hóa Kết luận số 09-KL/TW) về việc cơ quan/đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản sửa đổi, bổ sung có trách nhiệm chuẩn bị *dự thảo phần nội dung hợp nhất* để trình đồng thời với dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung.

Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý tại dự thảo Luật.

8.7. Một số nội dung khác

a) Ý kiến thẩm định tại Mục IX.8.2 Báo cáo thẩm định nêu:

Về điều khoản thi hành (Chương X): Tại Hồ sơ dự án Luật, đề nghị cơ quan

chủ trì soạn thảo thuyết minh rõ căn cứ, lý do đề xuất quy định tại khoản 2 Điều 86 về việc “từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027, Quốc hội được tiếp tục ban hành nghị quyết là VBQPPL để quy định các vấn đề tại khoản 2 Điều 10, Ủy ban Thường vụ Quốc hội được tiếp tục ban hành nghị quyết là VBQPPL để quy định các vấn đề tại khoản 2 Điều 11, Chính phủ tiếp tục ban hành nghị quyết là VBQPPL để quy định các vấn đề tại khoản 2 Điều 14 của Luật Ban hành VBQPPL...”. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, tính toán kỹ lưỡng các vấn đề chuyển tiếp cần xử lý trong dự thảo Luật này.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý nội dung điều khoản chuyển tiếp tại Điều 80 dự thảo Luật:

“1. Nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết của Chính phủ được ban hành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có văn bản bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác hoặc bị bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực, các văn bản sau đây tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có văn bản bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

b) Quyết định của Chủ tịch nước;

c) Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

d) Quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước.”

c) Ý kiến thẩm định tại Mục IX.8.3 Báo cáo thẩm định nêu:

Trên cơ sở rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện phạm vi điều chỉnh và nội dung của dự thảo Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ lưỡng những quy định cần thiết giao Chính phủ chi tiết, bảo đảm phù hợp, khả thi.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát toàn bộ các nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết, nhất là sau khi chỉnh lý phạm vi điều chỉnh và cơ cấu lại Chương VIII của dự thảo Luật. Theo đó, dự thảo Luật chỉ giao Chính phủ quy định chi tiết đối với những nội dung cần cụ thể hóa về trình tự, thủ tục, biện pháp và cách thức tổ chức thực hiện, bảo đảm rõ phạm vi được giao, phù hợp với thẩm quyền và khả thi trong thực tiễn.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ GIẢI TRÌNH

1. Về nội dung cụ thể của dự thảo Luật

1.1. Về hệ thống VBQPPL, thẩm quyền ban hành, nội dung VBQPPL (Điều 4 và Chương II)

a) Ý kiến thẩm định tại mục IX.1.1 Báo cáo thẩm định nêu: Nghị quyết số 66-NQ/TW yêu cầu “*các quy định của luật phải mang tính ổn định*” và khoản 2 Điều 5 Luật Tổ chức Quốc hội quy định “*Luật chỉ quy định các vấn đề mang tính ổn định, có giá trị lâu dài*”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung lập luận và giải trình tính hợp lý của việc quy định Quốc hội ban hành luật để quy định “*thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội*”, “*tạm ngưng, điều chỉnh hiệu lực hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật*” (khoản 9 và khoản 10 Điều 11).

- Về vấn đề này, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Để vừa bảo đảm yêu cầu các quy định của luật có tính ổn định, giá trị lâu dài theo Nghị quyết số 66-NQ/TW, vừa thể chế hóa Kết luận số 09-KL/TW về việc mỗi chủ thể có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật chỉ ban hành một hình thức văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo quy định luật là hình thức văn bản quy phạm pháp luật duy nhất của Quốc hội. Theo đó, việc không tiếp tục quy định hình thức nghị quyết của Quốc hội chỉ là thay đổi hình thức văn bản, không làm thay đổi thẩm quyền của Quốc hội. Các nội dung về thực hiện thí điểm chính sách mới, tạm ngưng, điều chỉnh hiệu lực hoặc kéo dài thời hạn áp dụng luật vốn thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội thì tiếp tục được Quốc hội quyết định bằng luật. Đối với chính sách thí điểm, tính đặc thù được thể hiện ở phạm vi, đối tượng, địa bàn, thời hạn và cơ chế đánh giá, xử lý sau thí điểm, không phải ở việc phải duy trì một hình thức văn bản riêng. Đặc biệt, đối với cơ chế thí điểm, dự thảo Luật đã thiết kế riêng Điều 20 để quy định chặt chẽ về mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian, địa bàn thí điểm, biện pháp quản trị rủi ro, cơ chế kiểm soát, giám sát, đánh giá, gia hạn hoặc kết thúc thí điểm, qua đó bảo đảm việc sử dụng hình thức luật trong trường hợp này có kiểm soát.

b) Ý kiến thẩm định tại mục IX.1.2 Báo cáo thẩm định nêu:

Dự thảo Luật quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh để quy định “*vấn đề chưa có luật điều chỉnh được Quốc hội giao*”. Hội đồng thẩm định thấy rằng, “*vấn đề chưa có luật điều chỉnh*” về bản chất là vấn đề thuộc thẩm quyền quy định của Quốc hội. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải thích căn cứ đề xuất bổ sung quy định này và làm rõ *trường hợp* nào thì Quốc hội giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh để quy định về “*vấn đề chưa có luật điều chỉnh*”.

- Về vấn đề này, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Dự thảo Luật được xây dựng theo định hướng tinh gọn hệ thống VBQPPL, theo đó mỗi chủ thể có thẩm quyền ban hành VBQPPL cơ bản chỉ ban hành một hình thức VBQPPL; pháp lệnh là hình thức VBQPPL của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vì vậy, phạm vi nội dung của pháp lệnh được rà soát, sắp xếp lại, bao gồm cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hiện đang được quy định bằng nghị quyết và các vấn đề được Quốc hội giao theo quy định của Hiến pháp.

Đối với trường hợp “vấn đề chưa có luật điều chỉnh được Quốc hội giao” tại khoản 1 Điều 12 dự thảo Luật, quy định này được xây dựng trên cơ sở khoản 2 Điều 74 Hiến pháp về thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra pháp lệnh đối với những vấn đề được Quốc hội giao. Việc Quốc hội giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh không được hiểu là mọi vấn đề chưa có luật điều chỉnh đều có thể được quy định bằng pháp lệnh, mà chỉ đặt ra đối với vấn đề thuộc thẩm quyền lập pháp của Quốc hội, chưa được luật điều chỉnh và được Quốc hội xem xét, quyết định giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trong từng trường hợp cụ thể. Để bảo đảm chặt chẽ, dự thảo Luật đã quy định trường hợp có nội dung đề xuất xây dựng pháp lệnh theo khoản 1 Điều 12 mà chưa được Quốc hội giao thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội phải báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định. Qua đó, vừa bảo đảm thực hiện đúng thẩm quyền của Quốc hội, vừa kiểm soát việc ban hành pháp lệnh đối với những vấn đề chưa có luật điều chỉnh, đồng thời không ảnh hưởng đến các trường hợp khác Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh theo quy định của Hiến pháp và Luật này.

c) Ý kiến thẩm định tại mục IX.1.6 Báo cáo thẩm định nêu:

Việc dự thảo Luật quy định Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và chính quyền địa phương ban hành VBQPPL để quy định về “*thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp*” (không có *nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền*) là chưa bảo đảm đầy đủ. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý thành “*thực hiện các nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp*” tại khoản 3 Điều 15; điểm b khoản 3 Điều 17; điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 18; điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 19 dự thảo Luật để bảo đảm đầy đủ, phù hợp.

- Về nội dung này, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền được xác định trực tiếp trong luật, nghị quyết của Quốc hội; trong khi đó, việc phân cấp là cơ chế giao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan trong quá trình tổ chức thi hành. Do đó, để tránh trùng lặp với các quy định về phân quyền tại Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các luật có liên quan, đồng thời bảo

đảm đúng phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật, Bộ Tư pháp giữ quy định về việc ban hành VBQPPL để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp mà không quy định lại “nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền” tại từng điều.

2.2. Về nguyên tắc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 5)

- Ý kiến thẩm định tại mục IX.2.4 Báo cáo thẩm định nêu: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung các nguyên tắc cụ thể hơn đối với tổ chức thi hành VBQPPL. Tại khoản 11 Điều 5, đề nghị chỉnh lý thành “*xác định rõ trách nhiệm trong tổ chức thi hành VBQPPL, việc tổ chức thi hành VBQPPL phải bảo đảm công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả*”.

- Về vấn đề này, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Các nguyên tắc quy định tại dự thảo Luật đều gắn với trách nhiệm của các cơ quan, người có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật. Bên cạnh đó, dự thảo Luật đã có 01 điều quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 58), do đó, việc quy định như khoản 11 Điều 5 dự thảo Luật là phù hợp.

2.3. Về văn bản quy định chi tiết (Điều 8)

- Ý kiến thẩm định tại mục IX.3.3 Báo cáo thẩm định nêu: Khoản 4 Điều 8 dự thảo Luật quy định: “*Trường hợp một cơ quan được giao quy định chi tiết nhiều nội dung của một VBQPPL thì ban hành một văn bản để quy định chi tiết các nội dung đó, trừ trường hợp cần phải quy định trong các văn bản khác nhau*”. Hội đồng thẩm định cho rằng, việc quy định “*trừ trường hợp cần phải quy định trong các văn bản khác nhau*” còn mang tính tùy nghi, không rõ ràng. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ quy định này.

- Về vấn đề này, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Quy định tại khoản 4 Điều 8 dự thảo Luật nhằm giới hạn số lượng văn bản quy định chi tiết, hạn chế tình trạng phân tán, chồng chéo trong hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế, một số VBQPPL có phạm vi điều chỉnh rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc thuộc thẩm quyền của các cơ quan khác nhau, nên việc quy định chi tiết trong một văn bản duy nhất có thể không phù hợp. Vì vậy, quy định “trừ trường hợp cần phải quy định trong các văn bản khác nhau” được giữ lại để bảo đảm tính linh hoạt cần thiết, phù hợp với đặc thù của từng VBQPPL và yêu cầu thực tiễn.

2.4. Về quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Chương IV)

a) Ý kiến thẩm định tại mục IX.4.1 Báo cáo thẩm định nêu:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát yêu cầu tại Điều 2 Nghị quyết số 227/NQ-CP về việc đổi mới quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL để sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan cho phù hợp; nghiên cứu bổ sung trường hợp thực hiện quy trình chính sách đối với pháp lệnh quy định tại khoản 5 Điều 12 dự thảo Luật (pháp lệnh quy định *nội dung được luật của Quốc hội giao*).

- Về vấn đề này, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Quy trình chính sách chỉ áp dụng đối với trường hợp pháp lệnh quy định vấn đề chưa có luật điều chỉnh được Quốc hội giao (khoản 1 Điều 12 dự thảo Luật), nhằm bảo đảm việc đánh giá, lựa chọn chính sách trước khi xây dựng pháp lệnh. Đối với pháp lệnh quy định nội dung đã được luật của Quốc hội giao tại khoản 5 Điều 12 dự thảo Luật không cần thực hiện quy trình chính sách sẽ bảo đảm đơn giản hóa, rút gọn các bước không cần thiết, phù hợp với yêu cầu đổi mới quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL. phù hợp với yêu cầu tại Điều 2 Nghị quyết số 227/NQ-CP về “bảo đảm liên thông giữa quy trình chính sách với quy trình soạn thảo, không làm phát sinh thêm tầng nấc, thủ tục, hồ sơ trùng lặp”.

b) Ý kiến thẩm định tại mục IX.4.5 Báo cáo thẩm định nêu:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tham khảo Văn bản số 1577/UBTVQH15-PLTP ngày 06/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc đề nghị Chính phủ gửi hồ sơ dự án luật, nghị quyết trình tại Phiên họp Quốc hội biểu quyết thông qua³ để chỉnh lý quy định về thành phần hồ sơ dự án luật, pháp lệnh trình xem xét, thông qua cho phù hợp.

- Về vấn đề này, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau: Bộ Tư pháp đã nghiên cứu, tham khảo Văn bản số 1577/UBTVQH15-PLTP ngày 06/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Theo đó, thành phần hồ sơ được nêu tại Văn bản số 1577/UBTVQH15-PLTP là hồ sơ trình tại phiên họp Quốc hội biểu quyết thông qua, được hình thành sau khi Quốc hội đã thảo luận và dự thảo luật đã được nghiên cứu tiếp thu, giải trình, chỉnh lý. Trong khi đó, khoản 3 Điều 37 dự thảo Luật quy định hồ sơ dự án luật trình Quốc hội, dự án pháp lệnh trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội để xem xét, thông qua, được gửi trước kỳ họp, phiên họp đại biểu Quốc hội, thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội nghiên cứu, xem xét. Do đó, hai loại hồ sơ này được xác định ở các giai đoạn khác nhau của quy trình và có mục đích khác nhau.

c) Ý kiến thẩm định tại mục IX.4.7 Báo cáo thẩm định nêu:

³ Gồm (i) Báo cáo của cơ quan trình về việc tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo luật, nghị quyết; (ii) Dự thảo luật, nghị quyết đã được tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện; (iii) Kết luận của UBTVQH về việc tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo luật, nghị quyết; (iv) Báo cáo ý kiến của cơ quan thẩm tra về việc tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo luật, nghị quyết; (v) Tài liệu khác (nếu có)

Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 không quy định cụ thể trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL đối với Chủ tịch nước. Đề nghị lược bỏ quy định “*Chủ tịch nước có thể yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo về những vấn đề quan trọng của dự thảo lệnh*” tại khoản 3 Điều 42 dự thảo Luật bởi vì quy định này mang tính chất chỉ đạo, không cần thiết quy định tại Luật

- Về vấn đề này, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau: Quy định này được kế thừa từ quy định trước đây và qua thực tiễn thực hiện chưa phát sinh phản ánh về khó khăn, vướng mắc. Đây là cơ chế nhằm bảo đảm Chủ tịch nước, trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo, làm rõ những vấn đề quan trọng của dự thảo lệnh để có đầy đủ thông tin phục vụ việc xem xét, quyết định đối với văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của mình; đồng thời, đây không phải là một trình tự, thủ tục bắt buộc nên không làm phát sinh thêm thủ tục trong quá trình xây dựng, ban hành lệnh.

2.5. Về xây dựng VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn, trường hợp đặc biệt (Chương VI)

a) Ý kiến thẩm định tại Mục IX.5.1 Báo cáo thẩm định nêu:

Về thành phần hồ sơ dự thảo VBQPPL: Điểm c khoản 4 Điều 49 dự thảo Luật bổ sung “*báo cáo thuyết minh dự thảo văn bản*” vào thành phần hồ sơ gửi lấy ý kiến góp ý, thẩm định, thẩm tra, hồ sơ gửi Chính phủ cho ý kiến đối với dự án không do Chính phủ trình. Tuy nhiên, Hội đồng thẩm định cho rằng, các nội dung của Báo cáo này đã được thể hiện tại Tờ trình và *Bản so sánh dự thảo sửa đổi, bổ sung, thay thế với luật, pháp lệnh hiện hành và lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế*. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc sự cần thiết bổ sung thành phần hồ sơ này, bảo đảm thực hiện yêu cầu tại Nghị quyết số 227/NQ-CP về “*không làm phát sinh thêm tầng nấc, thủ tục, hồ sơ trùng lặp*”.

- Về vấn đề này, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Điều 2 Nghị quyết số 227/NQ-CP yêu cầu tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng luật theo hướng “*bảo đảm liên thông giữa quy trình chính sách với quy trình soạn thảo, không làm phát sinh thêm tầng nấc, thủ tục, hồ sơ trùng lặp*”. Để thực hiện yêu cầu này, việc quy định Báo cáo thuyết minh dự thảo văn bản là cần thiết nhằm thể hiện rõ quá trình chuyên hóa, cụ thể hóa các chính sách đã được thông qua thành các quy định cụ thể của dự thảo văn bản; làm rõ căn cứ, phương án và cách thức thể hiện chính sách trong từng nhóm quy định của dự thảo, qua đó bảo đảm sự gắn kết, liên thông giữa giai đoạn xây dựng chính sách và giai đoạn soạn thảo văn bản.

Báo cáo thuyết minh dự thảo văn bản có mục đích, nội dung riêng, không thay thế và không trùng lặp với Tờ trình hoặc Bản so sánh. Trong đó, Tờ trình tập trung trình bày những vấn đề chung của dự án, dự thảo văn bản; Bản so sánh

chủ yếu thể hiện sự thay đổi giữa quy định hiện hành và nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung, thay thế; còn Báo cáo thuyết minh tập trung làm rõ mối liên hệ giữa chính sách đã được thông qua với các quy định cụ thể được thiết kế trong dự thảo văn bản. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị giữ quy định về Báo cáo thuyết minh dự thảo văn bản, đồng thời tiếp tục rà soát nội dung của các tài liệu trong hồ sơ để phân định rõ mục đích, yêu cầu của từng tài liệu, tránh trùng lặp, bảo đảm đúng yêu cầu của Nghị quyết số 227/NQ-CP.

b) Ý kiến thẩm định tại Mục IX.5.2 Báo cáo thẩm định nêu:

Tại khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 quy định về trường hợp VBQPPL được bổ sung (ngay) vào dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội để trình Quốc hội xem xét, thông qua (luật, nghị quyết) đối với *vấn đề cấp bách/trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn*. Để thống nhất cách hiểu, tại mục 3 Văn bản số 1577/UBTVQH15-PLTP ngày 06/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn cách hiểu “*vấn đề cấp bách*” quy định tại khoản 2 Điều 26 và “*trường hợp cấp bách*” tại điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành VBQPPL là “*trường hợp cần ban hành ngay VBQPPL để kịp thời thể chế hóa chủ trương mới của Đảng, yêu cầu, chỉ đạo mới của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và việc xây dựng, ban hành VBQPPL đó đã được cơ quan có thẩm quyền của Đảng đồng ý*”. Hiện nay, khoản 3 Điều 23 dự thảo Luật đã chỉnh lý quy định về “*vấn đề cấp bách*” như hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nêu trên, tuy nhiên nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 dự thảo Luật chưa được chỉnh lý tương ứng đối với quy định về “*trường hợp cấp bách*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý cho thống nhất.

- Về vấn đề này, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Quy định tại khoản 3 Điều 23 và điểm b khoản 1 Điều 48 dự thảo Luật có mục đích, phạm vi và đối tượng điều chỉnh khác nhau. Khoản 3 Điều 23 điều chỉnh trường hợp đặc thù trong việc điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm, áp dụng đối với dự án luật chưa có trong Chương trình lập pháp nhưng cần được ban hành ngay tại kỳ họp Quốc hội đang diễn ra hoặc kỳ họp gần nhất. Trong khi đó, điểm b khoản 1 Điều 48 quy định một trong các căn cứ áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành VBQPPL, nhằm tạo cơ chế xử lý kịp thời các vấn đề cấp bách phát sinh từ thực tiễn. Trường hợp này không chỉ phát sinh từ yêu cầu thể chế hóa chủ trương mới của Đảng hoặc yêu cầu, chỉ đạo mới của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước mà còn có thể xuất phát từ những vấn đề thực tiễn cần được giải quyết ngay bằng VBQPPL.

2.6. Về một số nội dung khác

Ý kiến thẩm định tại Mục IX.8.1 Báo cáo thẩm định nêu:

Về giải thích từ ngữ (Điều 3): Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, nghiên cứu bổ sung giải thích một số từ ngữ liên quan đến tổ chức thi hành VBQPPL (như hợp nhất VBQPPL, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật, phản ứng chính sách...).

- Về vấn đề này, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện các quy định liên quan nhằm làm rõ nội hàm, phạm vi đối với nội dung hợp nhất, pháp điển và phản ứng chính sách tại Điều 64, Điều 65 và Điều 67 của dự thảo Luật, bảo đảm thống nhất trong quá trình áp dụng. Do đó, việc bổ sung giải thích từ ngữ liên quan đến tổ chức thi hành VBQPPL là không cần thiết, tránh trùng lặp với nội dung các quy định của dự thảo Luật.

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định dự án Luật về văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh;
- Cục PLHSHC&TCTHPL (để phối hợp);
- Lưu: VT, Vụ CTXDVBQPPL_(Thảo).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đặng Hoàng Oanh